



HEAT PUMP GIẢI NHIỆT GIÓ

AIR SOURCE HEAT PUMP



HEAT PUMP - GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- * Hiệu quả COP của HEAT PUMP tiết kiệm gần 4 lần điện đầu vào
- * Chi phí giảm so với nhiên liệu khác:

✓ **30%** so với **Diesel**

✓ **40%** so với **Gas**

✓ **70%** so với **Heater**

Hotline: 0906 631 316 - 0948 631 316

www.mimico.com.vn

TECHNICAL FEATURES / ĐẶC ĐIỂM KỸ THUẬT

Product Model Mã hiệu sản phẩm	MMC030- AHP-T-S	MMC030- AHP-T	MMC050- AHP-T	MMC060- AHP-T	MMC100- AHP/U	MMC100- AHP/V	MMC120- AHP	MMC150- AHP	MMC200- AHP	MMC250- AHP	MMC300- AHP
Rated heating capacity Công suất nhiệt danh định (kW)	10.5	11.5	18.8	21.8	38	38	42	52	76	95	110
Rated input power Công suất điện đầu vào danh định (kW)	2.7	2.95	4.8	5.6	9.6	9.6	10.8	13.2	19.2	23.8	27.8
Max input power Công suất điện đầu vào tối đa (kW)	3.65	3.98	6.5	7.6	13.0	13.0	14.6	17.8	25.9	32.1	37.5
Rated current Dòng điện danh định (A)	12.4	5.9	9	11.2	17.6	17.6	20.7	25.9	36.1	41.4	52.3
Max current Dòng điện tối đa (A)	16.7	8.0	12.2	15.1	23.8	23.8	27.9	35.0	48.7	55.9	70.6
COP (Coefficient of Performance) COP (Hệ số hiệu quả năng lượng)	3.89	3.90	3.92	3.89	3.96	3.96	3.89	3.94	3.96	3.99	3.96
Power supply Nguồn điện	220V/50Hz/1PH	380V/50Hz/3PH									
Refrigerant Môi chất lạnh	R407C										
Rated heated water output Lượng nước nóng đầu ra danh định (L/H)	226	247	404	485	817	817	903	1118	1634	2042	2364
Rated outlet hot water temperature Nhiệt độ nước nóng đầu ra danh định (°C)	55										
Max outlet hot water temperature Nhiệt độ nước nóng đầu ra tối đa (°C)	60										
Working ambient temperature Nhiệt độ môi trường làm việc (°C)	-7~43										
Noise Độ ồn (dB(A))	≤ 55	≤ 55	≤ 58	≤ 60	≤ 66	≤ 66	≤ 66	≤ 68	≤ 68	≤ 72	≤ 75
Water pressure drop Chênh lệch áp nước (kPa)	25	25	30	32	35	35	38	40	46	48	52
Water circulation Lượng tuần hoàn nước (L/H)	1806	1978	3233	3880	6535	6535	7222	8942	13069	16336	18916
Diameter of pipe Đường kính ống (mm)	DN25	DN25	DN25	DN25	DN32	DN32	DN32	DN32	DN50	DN65	DN65
Metal plate Kết cấu kim loại	Galvanized steel/Spray / Thép mạ kẽm/Sơn tĩnh điện										
Dimensions (W*D*H) Kích thước (D*R*C) (mm)	710*710 *870	710*710 *870	810*800 *1030	810*800 *1030	1500*750 *1030	1580*800 *1600	1580*800 *1600	1580*800 *1600	1850*1000 *1950	2000*1100 *2080	2300*1100 *2300
Weight Trọng lượng (kg)	100	100	145	145	280	300	330	372	482	582	612

Working condition: Dry bulb temperature 20°C, Wet bulb temperature 15°C, Inlet water temperature 15°C, Outlet water temperature 55°C
 Điều kiện làm việc: Nhiệt độ bầu khô 20°C, bầu ướt 15°C; nhiệt độ nước đầu vào 15°C, nhiệt độ nước đầu ra 55°C.



CÔNG TY CỔ PHẦN MIMICO

Trụ sở: 536/49/9 Âu Cơ, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
 Tel / Fax: 028 6292 5250 / Hotline: 0906 631 316 - 0948 631 316
 CN Hà Nội: 169 Nguyễn Ngọc Vũ, Quận Cầu Giấy, Hà Nội / Tel: 024 3232 3639
 Email: info@mimico.com.vn - Website: www.mimico.com.vn